

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1. Thông tin chung

- Tên gói thầu: Gói thầu 1 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm, phần cứng các thành phần của hệ thống EVNSOC”

Thuộc phương án: Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các hệ thống thuộc dự án “Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các Hệ thống thông tin trọng yếu của EVN” giai đoạn tháng 10/2025 - 10/2026

- Phạm vi gói thầu:

Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm, phần cứng các thành phần của hệ thống EVNSOC bao gồm:

- Hệ thống phòng thủ trung tâm
- Hệ thống tiền xử lý IT
- Hệ thống tiền xử lý OT
- Hệ thống SIEM
- Hệ thống OT Sensors
- Hệ thống phòng trực vận hành
- Các hệ thống khác

Trong đó, gói thầu được chia thành các phần (lô) với phạm vi thực hiện như sau:

+ Lô 1 “Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm IBM”: Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm của hãng IBM, thuộc các hệ thống:

- Hệ thống phòng thủ trung tâm
- Hệ thống tiền xử lý IT
- Hệ thống tiền xử lý OT
- Hệ thống SIEM

+ Lô 2 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm Claroty”: Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm của hãng Claroty, thuộc các hệ thống:

- Hệ thống tiền xử lý OT
- Hệ thống OT Sensors

+ Lô 3 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các sản phẩm khác”:
Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các sản phẩm của hãng còn lại trong gói thầu.

- Địa điểm thực hiện:
 - Trung tâm dữ liệu chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - Các phòng máy của Công ty TNHH MTV Vận hành Hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO); Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc (NSO), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Trung (CSO), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam (SSO).
 - 12 Nhà máy điện trực thuộc EVN gồm: Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát, Tuyên Quang, Yaly, Sê San 3, Pleikrong, Sê San 4, Trị An, Vĩnh Tân 4.
- Thời gian thực hiện gói thầu và của từng lô là: 425 ngày, trong đó:
 - Thời gian thực hiện mua sắm, gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức bàn giao, nghiệm thu chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật: 45 ngày. Trong đó, nhà thầu bàn giao chứng nhận trong vòng 30 ngày, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu bàn giao.
 - Thời gian sử dụng bản quyền, cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật: 12 tháng (365 ngày) theo chính sách của nhà sản xuất.
 - Thời gian tổ chức nghiệm thu hợp đồng: 15 ngày.

1.2. Hiện trạng hệ thống cần cung cấp dịch vụ

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
I	Các hạng mục thuộc Lô 1 “Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm IBM”							Trung tâm dữ liệu EVN, Tòa nhà EVN, 11 phố Cửa Bắc, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
1	Hệ thống phòng thủ trung tâm							
1.1	IBM Security Qradar SOAR	IBM Resilient Security Orchestration Automation and Response Platform per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	12	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
1.2		IBM Resilient Security Orchestration, Automation and Response Platform Privacy Add-On per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	12	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
1.3		IBM Resilient Security Orchestration, Automation and Response Platform Team Management Add-On per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	12	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
1.4		IBM Resilient Security Orchestration, Automation and Response Platform Thousand Monthly Actions per Resource Value Unit License + SW Subscription & Support 12 Months	3	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
2	Hệ thống tiền xử lý IT							
2.1	IBM Qradar Incident Forensics	IBM Security QRADAR Incident Forensics Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
2.2	IBM QRadar Network Packet Capture	IBM QRadar Network Packet Capture Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
2.3	IBM Qradar HA Licenses	IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	4	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
2.4	IBM Qradar Software Node Licenses	IBM Qradar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	12	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
3	Hệ thống tiền xử lý OT							
3.1	IBM Qradar HA Licenses	IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
3.2	IBM Qradar Software Node Licenses	IBM Qradar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	4	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4	Hệ thống SIEM							
4.1	IBM Qradar BASE LICENSE	IBM QRadar Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	1	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
4.2	IBM Qradar HA Licenses	IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4.3	IBM Qradar Software Node Licenses	IBM QRadar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4.4	IBM Qradar Risk Management	IBM QRadar Vulnerability and Risk Manager per Install License + SW Subscription & Support 12 Months	1	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4.5	IBM Qradar EPS CAPACITY UPGRADE	IBM QRadar Event Capacity 2.5K Events Per Second License + SW Subscription & Support 12 Months	16	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4.6		IBM QRadar Event Capacity 1K Events Per Second License + SW Subscription & Support 12 Months	1	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
4.7	IBM Qradar FPM CAPACITY UPGRADE	IBM QRadar Flows Capacity 100K Flows Per Minute License + SW Subscription & Support 12 Months	2	License	Perpetual	31/01/2026	IBM	
II	Các hạng mục thuộc Lô 2 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm Claroty”							
1	Claroty Enterprise Management Console	Claroty Enterprise Management Console (EMC), Small, Up to 25 Sites, Subscription 1 year	1	License	31/10/2025	31/10/2025	Claroty	Trung tâm dữ liệu EVN, Tòa nhà EVN, 11 phố Cửa Bắc, phường Ba

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
								Đình, Thành phố Hà Nội
2	Claroty Continuous Threat Detection (CTD)	Claroty Continuous Threat Detection (CTD), Small, Up to 300 Assets, Subscription 1 year	18	License	31/10/2025	31/10/2025	Claroty	+ Các phòng máy của Công ty TNHH MTV Vận hành Hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO); Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Bắc (NSO), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Trung (CSO), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam (SSO). + 12 Nhà máy điện trực thuộc EVN gồm: Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát, Tuyên Quang, Yaly, Sê San 3, Pleikrong, Sê San 4, Trị An, Vĩnh Tân 4.

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
III	Các hạng mục thuộc Lô 3 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các sản phẩm khác”							Trung tâm dữ liệu EVN, Tòa nhà EVN, 11 phố Cửa Bắc, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
1	Hệ thống tiền xử lý IT							
1.1	Endpoints : FireEye Endpoint EDR	Endpoint Security Enterprise Power Edition, per Endpoint-1999-1 Year	1.000	License	16/10/2025	16/10/2025	Trellix	
1.2	OS	Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	2	License	Perpetual	17/02/2026	Red Hat	
1.3	Network Broker for IT Preprocessing	GigaVUE-HC1 chassis, 2 power supplies	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Gigamon	
2	Hệ thống tiền xử lý OT							
2.1	OS	Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	1	License	Perpetual	17/02/2026	Red Hat	
3	Hệ thống SIEM							
3.1	Rapid7 Vulnerability Management	NEXPOSE: Subscription for the specified asset range (12 Months). This includes discovery, unlimited scan engines, unlimited templates and up to 3 Nexpose Consoles	2.048	License	16/10/2025	16/10/2025	Rapid7	
4	Hệ thống phòng trực vận hành thuộc SOC tập trung							

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
4.1	Joint Screen (Video wall) system	- Barco ODL-721 - Barco Transform NDN210 Pro - NGS-D320 Lite - Barco Transform NSD110	1	Hệ thống	Perpetual	16/10/2025	Barco	
4.2	Analysts Room Firewall	Fortinet Fortigate 101F, S/N: FG101FTK21021098; FG101FTK21021091	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Fortinet	
5	Hệ thống khác							
5.1	Hệ thống NGFW							
5.1.1	NGFW Firewall for central SOC block	Fortinet Fortigate 201F, S/N: FG201FT922902300; FG201FT922902042	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Fortinet	
5.1.2	NGFW Firewall for IT Preprocessor block	Fortinet Fortigate 2201E, S/N: FG22E1T921900004; FG22E1T921900103	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Fortinet	
5.1.3	Log analysis for the Firewall of the Core Block for centralized SOC and OT preprocessor system	Fortinet FortiAnalyzer 800G, S/N: FAZ8HGT221000188; FAZ8HGT221000172	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Fortinet	
5.1.4	Log analysis for Firewall of the Block for IT network preprocessor	Fortinet FortiAnalyzer 3000G, S/N: FAZ3KGT221000215	1	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Fortinet	
5.2	Hệ thống data diode	Owl OPDS-1000-SC	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Owl	
5.3	Hệ thống quản trị tập trung							

STT	Danh mục hệ thống cần gia hạn bản quyền, dịch vụ HTKT	Mô tả thông số chính của hệ thống	Số lượng	Đơn vị	Thời gian hết hạn bản quyền	Thời gian hết hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Nhà sản xuất	Địa điểm lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm
5.3.1	Router, Switch management	JSA - Junos Space Network Management Platform 4 Cores; Perpetual	1	License	Perpetual	12/02/2026	Juniper	
5.3.2	Backup and Recover Management	Veeam Backup & Replication Enterprise Plus. 1 year of Production 24/7 Support is included	12	License	Perpetual	01/05/2026	Veeam	
5.3.3	OS	Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	2	License	Perpetual	17/02/2026	Red Hat	
5.3.4	Centralized management Network Broker	GigaVUE-FM Prime Edition, manage up to 1000 Physical Visibility Fabric Nodes	1	License	Perpetual	28/02/2026	Gigamon	
5.3.5	Firewall Management	Fortimanager Virtual Appliances (12 months)	1	License	Perpetual	31/10/2025	Fortinet	
5.4	Hệ thống mạng							
5.4.1	SOC Center	Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122020055; TC3122020113	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Juniper	
5.4.2	OT Preprocessing Switch	Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122310121; TC3122310704	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Juniper	
5.4.3	IT Preprocessing Switch	Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122020176; TC3121460121	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Juniper	
5.4.4	Router	SRX1500, S/N: DB3722AK0071	1	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Juniper	
5.5	Hệ thống thu thập thông tin							
	Gigamon TAP 48 port active	GigaVUE-TA25 node, S/N: M0A5F; M0A5E	2	Bộ	Perpetual	16/10/2025	Gigamon	

2. Mục tiêu công việc:

- Gia hạn các bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các hệ thống mô tả tại tiểu mục 1.2, mục 1 nêu trên để chủ đầu tư/ người mua duy trì sử dụng hệ thống, đảm bảo nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ chính hãng hoặc đơn vị ủy quyền cung cấp dịch vụ hỗ trợ khi có yêu cầu.

- Chủ đầu tư/ người mua nhận được đầy đủ các chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật do Nhà sản xuất hoặc đơn vị được ủy quyền cấp, phục vụ cho quá trình nghiệm thu, bàn giao tài liệu.

- Nhà thầu và Nhà sản xuất cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các hệ thống mô tả tại tiểu mục 1.2, mục 1 nêu trên theo chính sách của nhà sản xuất và hợp đồng đã ký giữa hai bên.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Phạm vi và tiêu chuẩn dịch vụ cung cấp

3.1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

BẢNG MÔ TẢ DỊCH VỤ

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
I	Các hạng mục thuộc Lô 1 “Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm IBM”					
1	Hệ thống phòng thủ trung tâm					
1.1	IBM Security Qradar SOAR	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar SOAR per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	E0Q04LL	12	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
1.2		Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar SOAR Breach Response Add-On per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	E0Q0QLL	12	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
1.3		Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar SOAR Team Management Add-On per User Value Unit (Concurrent User) License + SW Subscription & Support 12 Months	E0Q0ULL	12	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
1.4		Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar SOAR Thousand Monthly Actions per Resource Value Unit	E0Q1FLL	3	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
		License + SW Subscription & Support 12 Months				- Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
2	Hệ thống tiền xử lý IT					
2.1	IBM Qradar Incident Forensics	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Incident Forensics Software Install License + SW Subscription & Support 3 Months	E0JC6LL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM đến ngày 30/4/2026
2.2	IBM QRadar Network Packet Capture	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM QRadar Network Packet Capture Software Install License + SW Subscription & Support 3 Months	E0N24LL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM đến ngày 30/4/2026
2.3	IBM Qradar HA Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NCHLL	4	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
2.4	IBM Qradar Software Node Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NEGLL	12	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
3	Hệ thống tiền xử lý OT					
3.1	IBM Qradar HA Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NCHLL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
						- Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
3.2	IBM Qradar Software Node Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NEGLL	4	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4	Hệ thống SIEM					
4.1	IBM Qradar BASE LICENSE	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NBALL	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4.2	IBM Qradar HA Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM QRadar High Availability Software Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NCHLL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4.3	IBM Qradar Software Node Licenses	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Software Node Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NEGLL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4.4	IBM Qradar Risk Management	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM QRadar Vulnerability and Risk Manager per Install License + SW Subscription & Support 12 Months	E0R45LL	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
4.5	IBM Qradar EPS CAPACITY UPGRADE	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Event Capacity 2.5K Events Per Second License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NBILL	16	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4.6		Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Event Capacity 1K Events Per Second License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NBGLL	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
4.7	IBM Qradar FPM CAPACITY UPGRADE	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm IBM Security QRadar Flows Capacity 100K Flows Per Minute License + SW Subscription & Support 12 Months	E0NC3LL	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng IBM tại tiểu mục 3.1.2.1 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của IBM
II	Các hạng mục thuộc Lô 2 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật sản phẩm Claroty”					- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Claroty tại tiểu mục 3.1.2.2 bên dưới - Thời gian của bản quyền, dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 đến 31/10/2026
1	Claroty Enterprise Management Console	Gia hạn bản quyền Claroty Enterprise Management Console (EMC), Subscription 1 year	CL-EMC-S-S	1	License	
2	Claroty Continuous Threat Detection (CTD)	Gia hạn bản quyền Claroty Continuous Threat Detection (CTD), Small, Up to 300 Assets, Subscription 1 year	CL-CTD-S-S	18	License	
III	Các hạng mục thuộc Lô 3 “Gia hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật các sản phẩm khác”					

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
1	Hệ thống tiền xử lý IT					
1.1	Endpoints : FireEye Endpoint EDR	Gia hạn bản quyền Endpoint Security Enterprise Power Edition, per Endpoint-1999-1 Year	EPPW2WE1 E-AT	1.000	License	- Tuân thủ yêu cầu bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Trellix tại tiểu mục 3.1.2.4 bên dưới - Thời gian của bản quyền, dịch vụ: từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
1.2	OS	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	RH00004	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Red Hat tại tiểu mục 3.1.2.5 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của hãng
1.3	Network Broker for IT Preprocessing	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật GigaVUE-HC1 chassis, 2 power supplies		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Gigamon tại tiểu mục 3.1.2.7 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
2	Hệ thống tiền xử lý OT					
2.1	OS	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	RH00004	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Red Hat tại tiểu mục 3.1.2.5 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của hãng
3	Hệ thống SIEM					
3.1	Rapid7 Vulnerability Management	Gia hạn bản quyền NEXPOSE: Subscription for the specified asset range (12 Months). This includes discovery, unlimited scan engines, unlimited templates and up to 3 Nexpose Consoles	NXP-SUB	2.048	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Rapid7 tại tiểu mục 3.1.2.3 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của hãng

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
4	Hệ thống phòng trực vận hành thuộc SOC tập trung					
4.1	Joint Screen (Video wall) system	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Joint Screen (Video wall) system - Barco ODL-721 - Barco Transform NDN210 Pro - NGS-D320 Lite - Barco Transform NSD110		1	Hệ thống	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Barco tại tiểu mục 3.1.2.10 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của hãng
4.2	Analysts Room Firewall	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Fortinet Fortigate 101F, S/N: FG101FTK21021098; FG101FTK21021091		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026
5	Hệ thống khác					
5.1	Hệ thống NGFW					
5.1.1	NGFW Firewall for central SOC block	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Fortinet Fortigate 201F, S/N: FG201FT922902300; FG201FT922902042		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026
5.1.2	NGFW Firewall for IT Preprocessor block	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Fortinet Fortigate 2201E, S/N: FG22E1T921900004; FG22E1T921900103		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026
5.1.3	Log analysis for the Firewall of the Core Block for centralized SOC and OT preprocessor system	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Fortinet FortiAnalyzer 800G, S/N: FAZ8HGT221000188; FAZ8HGT221000172		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
5.1.4	Log analysis for Firewall of the Block for IT network preprocessor	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Fortinet FortiAnalyzer 3000G, S/N: FAZ3KGT221000215		1	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026
5.2	Hệ thống data diode	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Owl OPDS-1000-SC		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Owl tại tiểu mục 3.1.2.11 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
5.3	Hệ thống quản trị tập trung					
5.3.1	Router, Switch management	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm JSA - Junos Space Network Management Platform 4 Cores; Perpetual	S-JSPLT-S2-P	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Juniper tại tiểu mục 3.1.2.9 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 13/02/2026 – 12/02/2027
5.3.2	Backup and Recover Management	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm Veeam Backup & Replication Enterprise Plus. 1 year of Production 24/7 Support is included	V-ADVVUL-0I-SU1AR-00	12	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Veeam tại tiểu mục 3.1.2.8 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 02/5/2026 – 01/5/2027
5.3.3	OS	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm Red Hat Enterprise Linux Server, Standard	RH00004	2	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Red Hat tại tiểu mục 3.1.2.5 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: 12 tháng từ thời điểm nối lại dịch vụ theo quy định của hãng
5.3.4	Centralized management Network Broker	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm GigaVUE-FM Prime Edition, manage up to 1000 Physical Visibility Fabric Nodes	GFM-FM000	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Gigamon tại tiểu mục 3.1.2.7 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/03/2026 – 28/02/2027
5.3.5	Firewall Management	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bản quyền phần mềm Fortimanager Virtual Appliances (12 months)	FC1-10-M3004-248-02-12	1	License	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet tại tiểu mục 3.1.2.6 bên dưới

STT	Danh mục Hệ thống	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ	Mã hiệu sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật
						- Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2026
5.4	Hệ thống mạng					
5.4.1	SOC Center	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122020055; TC3122020113		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Juniper tại tiểu mục 3.1.2.9 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
5.4.2	OT Preprocessing Switch	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122310121; TC3122310704		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Juniper tại tiểu mục 3.1.2.9 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
5.4.3	IT Preprocessing Switch	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Juniper EX4600-40F-AFO, S/N: TC3122020176; TC3121460121		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Juniper tại tiểu mục 3.1.2.9 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
5.4.4	Router	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật Juniper SRX1500, S/N: DB3722AK0071		1	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Juniper tại tiểu mục 3.1.2.9 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026
5.5	Hệ thống thu thập thông tin					
	Gigamon TAP 48 port active	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật GigaVUE-TA25 node, S/N: M0A5F; M0A5E		2	Bộ	- Tuân thủ chính sách hỗ trợ của hãng Gigamon tại tiểu mục 3.1.2.7 bên dưới - Thời gian của dịch vụ: Từ ngày 17/10/2025 – 16/10/2026

3.1.2. Yêu cầu đối với bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật

3.1.2.1. Chính sách hỗ trợ của hãng IBM

Hỗ trợ kỹ thuật của IBM cung cấp các dịch vụ Subscription Supports cho các phần mềm thuộc hệ thống SOC EVN như sau:

- Gọi điện tới các chuyên gia kỹ thuật để nhận được hỗ trợ cho các vấn đề liên quan đến sản phẩm từ vấn đề cài đặt cho các vấn đề trong khi hoạt động.
- Truy cập 24x7 tới các nguồn tài nguyên kỹ thuật của IBM. Nếu mức độ lỗi là mức cao nhất (mức 1), IBM sẽ hỗ trợ liên tục 7 ngày trong tuần, 24 giờ/ngày.
- Dịch vụ hỗ trợ cung cấp các phiên bản phần mềm mới nhất cho phép khách hàng cập nhật và dịch vụ được gia hạn hàng năm.
- Cho phép khách hàng truy nhập đến Website để lấy các tính năng hỗ trợ điện tử (ngoại trừ phần mềm hệ điều hành).
- Cho phép download các bản vá lỗi của phần mềm.
- Tra cứu thông tin kỹ thuật, bản báo cáo phân tích chương trình được cấp phép APAR để trả lời cho các câu hỏi kỹ thuật.
- Hàng tuần nhận được các bản cập nhật qua email về các bản vá qua chức năng My Notifications.
- Gửi và theo dõi các bản ghi quản lý vấn đề (Problem Managers Records) qua công cụ các Yêu cầu dịch vụ (Service Request).
- Không hạn chế số lượng nhân viên kỹ thuật được phép gửi những vấn đề cho chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật của IBM.

3.1.2.2. Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Claroty

Hệ thống OT Sensor trong hệ thống SOC EVN sử dụng Claroty Enterprise Management Console (EMC) để quản lý, tổng hợp dữ liệu từ các sản phẩm Claroty Continuous Threat Detection (CTD) đặt tại các Ax và các nhà máy (18 site). Bản quyền CTD được cài tại 18 site để phát hiện tự động các bất thường và các mối đe dọa trên các hệ thống OT SCADA/DCS (tại các Ax và các nhà máy điện phụ thuộc EVN) gửi về cho hệ thống SOC gồm EMC và Qradar xử lý, phân tích tương quan.

3.1.2.3. Chính sách hỗ trợ của hãng Rapid 7

Đội ngũ kỹ thuật của hãng Rapid 7 cung cấp các dịch vụ đảm bảo các sản phẩm Nexpose sẽ hoạt động đúng và đáp ứng các mục tiêu an ninh bảo mật của khách hàng.

- Xử lý sự cố các tính năng và năng lực của sản phẩm
- Chuyên gia kỹ thuật
- Tư vấn và hướng dẫn triển khai và cấu hình.

- Cho phép khách hàng tạo yêu cầu kỹ thuật trên trang Customer Portal của hãng.

3.1.2.4. Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Trellix

Hệ thống EDR sử dụng giải pháp của FireEye. Các agent được cài đặt trên các hệ thống trọng yếu cần bảo vệ thuộc vùng IT.

Hãng Trellix sẽ cung cấp cho khách hàng các bản cập nhật về các bản sửa lỗi, bản vá bảo trì và các bản phát hành mới có thể chứa các cải tiến nhỏ đối với các tính năng hoặc chức năng của Sản phẩm được hỗ trợ ("Cập nhật").

Hiện bản quyền Fireeye Endpoint EDR thuộc hệ thống SOC EVN đang có dịch vụ hỗ trợ Trellix Thrive Essential và là bản quyền cần mua gia hạn hàng năm để duy trì dịch vụ. Đây là dịch vụ hỗ trợ cơ bản được bao gồm trong tất cả các phần mềm đăng ký. Khách hàng có Trellix Thrive Essential sẽ nhận được hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo trực tuyến thông qua Cổng thông tin Thrive.

3.1.2.5. Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật của hãng Red Hat

Để tiếp tục sử dụng DVHTKT của hãng Red Hat, EVNICT cần phải mua các dịch vụ hỗ trợ dạng Extended Support cho các phiên bản OS Red Hat 7.9 hoặc EVNICT cần nâng cấp lên Red Hat 8 (vẫn tương thích với các phần mềm Qradar phiên bản 7.5 hiện tại của EVN).

Phạm vi hỗ trợ của hãng Red Hat bao gồm việc cung cấp các bản vá lỗi, sửa lỗi, cập nhật.

Hỗ trợ kỹ thuật : hãng sẵn sàng 24x7 hoặc 8x5 tùy theo nhu cầu của khách hàng.

Hiện tại EVN đang sử dụng gói hỗ trợ tiêu chuẩn đối với sản phẩm Red Hat Enterprise.

3.1.2.6. Chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet

Dịch vụ cần gia hạn cho thiết bị là dịch vụ Forticare Premium – là dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.

Các chính sách hỗ trợ của hãng Fortinet bao gồm thời gian hỗ trợ 24x7x365 với thời gian phản hồi là 1 giờ cho các vấn đề nghiêm trọng và phản hồi vào ngày làm việc tiếp theo cho các vấn đề không quan trọng.

3.1.2.7. Chính sách hỗ trợ của hãng Gigamon

Phần mềm GFM-FM000 đã cung cấp trong hệ thống SOC là phần mềm vĩnh viễn, hàng năm cần gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật phần mềm để cập nhật phiên bản mới và được hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Dịch vụ hỗ trợ phần mềm của hãng Gigamon cho phần mềm GFM-F000 là loại Enhanced Product Support and Software Maintenance

Dịch vụ hỗ trợ phần mềm cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại, email và web qua trang web portal của khách hàng

- Thời gian cung cấp truy nhập với các chuyên gia từ 8 a.m đến 5 p.m theo giờ GMT+7
- Sẵn sàng truy nhập 24x7 đến các phiên bản cập nhật phần mềm mới nhất qua trang web portal của khách hàng.

Dịch vụ hỗ trợ phần cứng của hãng Gigamon gồm có các chính sách sau:

- Thay thế phần cứng cung cấp hoặc cùng ngày hoặc ngày tiếp theo phụ thuộc vào việc hoàn thành thủ tục giao lại phần cứng cho hãng

3.1.2.8. Chính sách hỗ trợ của hãng Veeam cho giải pháp backup

Chính sách hỗ trợ của hãng Veeam

- Nhận các bản phát hành chính mới nhất, cập nhật sản phẩm và bản vá
- Liên hệ hỗ trợ giải quyết sự cố 24/7 trên toàn thế giới
- Quản lý license trực tuyến
- Chuyển đổi sang Veeam Universal License để linh hoạt trên các workload
- Tránh các hợp đồng bị gián đoạn và phí khôi phục
- Không bị gián đoạn backup và hỗ trợ miễn là hợp đồng còn hiệu lực. Dựa trên cấp độ hỗ trợ của EVNICT, bạn có quyền nhận hỗ trợ 24x7x365 qua điện thoại hoặc email. Thời lượng SLA và thời gian phản hồi được chia sẻ như bên dưới.

Thời lượng SLA và thời gian phản hồi được chia sẻ như bên dưới.

Support program	Business hours
Evaluation	Mon — Fri 8 a.m. — 5 p.m.
Basic	Mon — Fri 8 a.m. — 8 p.m.
Production	24/7/365
Premier	24/7/365 Support Account Manager available during your local business hours (see Section 5.5)

Support of FREE/NFR licensed products is provided on a best-effort basis

Severity	Target Response SLA				
	Premier	Production	Basic	Evaluation	Free/NFR
Severity 1	30 minutes	1 hour	2 business hours	NA	NA
Severity 2	30 minutes	3 hours	8 business hours	8 business hours	Best effort
Severity 3	30 minutes	6 hours	12 business hours	12 business hours	Best effort
Severity 4	30 minutes	8 hours	24 business hours	24 business hours	Best effort

3.1.2.9. Chính sách hỗ trợ kỹ thuật của hãng Juniper

Dịch vụ hỗ trợ phần mềm JS Platform của hãng Juniper gồm có các chính sách sau:

- Được hỗ trợ qua Juniper Network Technical Assistance Center JTAC 24x7 trong đó được các chuyên gia JTAC hỗ trợ không giới hạn qua điện thoại, online 24h/ngày, 7 ngày/tuần. Các chuyên gia JTAC giúp phát hiện vấn đề, xử lý sự cố và đưa ra các giải pháp work around.
- Nhận các phiên bản phần mềm mới nhất để cập nhật
- Được hỗ trợ API – Case API
- Được sử dụng công cụ Software Support Evaluation (JSSET) là portal cung cấp các thông báo về các bug ảnh hưởng đến phần mềm Junos ở mức nghiêm trọng và đáng kể.

Dịch vụ hỗ trợ phần cứng của hãng Juniper gồm có các chính sách sau:

- Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ thay thế phần cứng: Thiết bị thay thế sẽ được vận chuyển và bàn giao trong vòng ngày làm việc tiếp theo (Next Business Day) kể từ khi xác nhận lỗi phần cứng và phát hành yêu cầu thay thế (RMA) được phát hành trước 3pm giờ địa phương của Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Juniper Technical Assistance Center (JTAC)

3.1.2.10. Chính sách hỗ trợ kỹ thuật của hãng Barco

Dịch vụ hỗ trợ của hãng Barco gồm có các chính sách sau:

- Dịch vụ cần gia hạn cho thiết bị là gói dịch vụ tiêu chuẩn chính hãng - là dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.
- Các chính sách hỗ trợ của hãng Barco bao gồm thời gian hỗ trợ 24x7x365 với thời gian phản hồi là 1 giờ cho các tất cả sự cố và phục hồi sự cố trong khoảng thời gian 48 giờ liên tục không ngừng, kể từ khi xác nhận thông báo sự cố. Thời gian có mặt tại nơi lắp đặt thiết bị trong vòng 24 giờ, đối với trường hợp không khắc phục được ngay, có trách nhiệm thay thế thiết bị tạm thời để đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục.

3.1.2.11. Chính sách hỗ trợ kỹ thuật của hãng Owl

Dịch vụ hỗ trợ của hãng Owl gồm có các chính sách sau:

- Dịch vụ hỗ trợ phần mềm cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật 24x7x365 qua điện thoại, email.
- Nhận các phiên bản phần mềm mới nhất để cập nhật
- Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phần cứng: Bảo hành toàn bộ các thành phần phần cứng của giải pháp Owl, bao gồm cả thiết bị COST của bên thứ 3. Dịch vụ bảo hành phần cứng đảm bảo thay thế miễn phí bất kỳ thiết bị nào được xác định là bị lỗi bằng một thiết bị mới.

3.2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ

Trong E-HSDT, Nhà thầu lập biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn tại mục 4 và 5 chương V, đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Có đầy đủ hạng mục công việc cho tất cả các bản quyền, dịch vụ cung cấp;
- Đảm bảo cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật do Nhà sản xuất hoặc đơn vị được ủy quyền cấp.

3.3. Tiến độ thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải có bảng tiến độ triển khai hợp lý, khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ trình bày tại tiểu mục 3.2 của mục này và đáp ứng tiến độ thực hiện hợp đồng

3.4. Tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp đối với tất cả các hạng mục dịch vụ trong bảng phạm vi cung cấp: Cam kết hỗ trợ nhà thầu thực hiện hợp đồng của nhà sản xuất (hoặc của đơn vị được ủy quyền cung cấp dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật) đối với các sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi gói thầu, trong đó cam kết cung cấp dịch vụ theo chính sách công bố và cử nhân sự đủ năng lực để thực hiện việc bảo hành/ hỗ trợ kỹ thuật. Trường hợp cam kết được phát hành bởi đơn vị được ủy quyền, yêu cầu phải có tài liệu của hãng sản xuất xác nhận ủy quyền cho đơn vị này cung cấp dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật đối với các sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi gói thầu.

3.5. Các yêu cầu chi tiết đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng

Mục này quy định chi tiết các yêu cầu đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng tại Chương VII của E-HSMT.

3.5.1. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi Bên B nhận được Thư chấp thuận E-HSDT và trao Hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không hủy ngang, không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Chương VIII).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến sau) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 5% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

3.5.2. Bảo lãnh tạm ứng

- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng (theo Mẫu số 16 Chương VIII).

- Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương số tiền tạm ứng và có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho đến ngày hai bên

ký Biên bản nghiệm thu Hợp đồng, hoặc khi bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 10 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 05 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

+ Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nêu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

Nhà thầu phải mô tả được sơ bộ phương án cung cấp dịch vụ cho chủ đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:

- + Gói hỗ trợ kỹ thuật tương ứng với các hạng mục gói thầu;
- + Các quyền lợi chủ đầu tư được hưởng;
- + Thời gian đáp ứng đối với yêu cầu hỗ trợ;
- + Cách thức quản lý các yêu cầu hỗ trợ đối với các thiết bị, phần mềm được hỗ trợ;

- + Thông tin trên trang web nhà sản xuất thể hiện các thiết bị, phần mềm trong gói thầu được hỗ trợ (theo chính sách quản lý và công bố thông tin của nhà sản xuất);
- + Thông tin liên lạc của đầu mối nhà thầu, nhà sản xuất (hoặc đơn vị ủy quyền).

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Bàn giao, nghiệm thu các chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu có trách nhiệm lập phương án cung cấp dịch vụ cho chủ đầu tư trên cơ sở nội dung phương án đã trình bày trong E-HSĐT (theo yêu cầu tại mục 4 chương này) và kết quả hoàn thiện hợp đồng. Bên A sẽ xem xét, phê duyệt/ thông qua phương án làm cơ sở tổ chức thực hiện.
- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật do Nhà sản xuất hoặc đơn vị được ủy quyền cấp. Đại diện cán bộ triển khai hợp đồng của hai bên sẽ ký biên bản bàn giao chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật nếu các chứng nhận này phù hợp với phạm vi cung cấp của gói thầu và Hợp đồng ký giữa hai bên.
- Căn cứ phương án cung cấp dịch vụ được Bên A phê duyệt/ thông qua và kết quả bàn giao, nghiệm thu chứng nhận bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, đại diện hợp pháp của hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu bàn giao chứng nhận bản quyền, dịch vụ.

5.2. Cung cấp dịch vụ:

- Trong thời hạn có hiệu lực dịch vụ, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phương án cung cấp dịch vụ của nhà thầu đã xây dựng, được Bên A phê duyệt/ thông qua.
- Nhà thầu có nghĩa vụ báo cáo định kỳ hằng quý về kết quả cung cấp dịch vụ và báo cáo tổng hợp kết quả khi hết thời gian cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Báo cáo có xác nhận của lãnh đạo bộ phận kỹ thuật sử dụng dịch vụ.
- Sau khi kết thúc thời hạn bản quyền, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của nhà sản xuất, căn cứ kết quả cung cấp dịch vụ, đại diện hợp pháp của hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu hợp đồng để thực hiện các thủ tục quyết toán, thanh lý theo quy định.

